

Bản án số: 500/2022/DS-PT

Ngày: 26 - 12 - 2022

V/v trA chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ DA Đạt.

- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng;

Ông Nguyễn Chí Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2022/TLPT-DS ngày 13/10/2022 về TrA chấp hợp đồng mua bán tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 371/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:***

Đoàn Tấn P, sinh năm 1977 – Chủ hộ kinh doanh P Đạt;

Địa chỉ: Số nhà 802, Tổ 8, ấp Bình Tân, xã Bình Thạnh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Tấn P là:* Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số nhà 103, đường Chi Lăng, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Huỳnh Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Bình Tân, xã Bình Thạnh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ 44, ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Văn L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ 23, ấp Bình Mỹ B, xã Bình Thạnh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lê Thị Kim T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Bình Tân, xã Bình Thạnh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn Đ là bị đơn và bà Lê Thị Kim T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn ông Đoàn Tấn P trình bày:

Ông là chủ hộ kinh doanh P Đạt, kinh doanh thức ăn, thuốc thủy sản, sản xuất và tiêu thụ cá giống, cá thương phẩm.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký bè cá số ĐT-00217-NT do Chi cục Thủy sản Đồng Tháp cấp ngày 25/10/2018 thì bè cá được cấp cho 04 người cùng vốn là ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Kim T, ông Huỳnh Văn Đ và ông Lê Văn L. Ông T là người đại diện cho bà T, ông Đ và ông L để giao dịch mua thức ăn cho bè cá này và ký nhận nợ tiền với ông. Theo giấy thỏa thuận ngày 19/10/2020 giữa ông T, bà T, ông Đ và ông L xác nhận còn nợ tiền mua thức ăn cho cá của ông là 755.000.000 đồng.

Do ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Kim T, ông Huỳnh Văn Đ và ông Lê Văn L không trả nợ cho ông nên ông yêu cầu ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn Đ, ông Lê Văn L và bà Lê Thị Kim T phải liên đới trả cho ông số tiền còn nợ là 755.520.000 đồng, tiền lãi là 82.357.000 đồng tính từ ngày 12/5/2021 (Ngày khởi kiện) đến ngày 16/6/2022 (Ngày xét xử sơ thẩm) là 13 tháng 04

ngày, với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Tổng cộng vốn và lãi là 837.877.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 17/6/2022 cho đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn:

+ Ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông cùng 03 người là bà Lê Thị Kim T, ông Huỳnh Văn Đ, ông Lê Văn L hùn vốn để nuôi cá tại ấp Bình Tân, xã Bình Thạnh từ năm 2016 cho đến nay, thống nhất lời, lỗ chia đều làm 04 phần. Góp vốn ban đầu: Ông 300.000.000 đồng, bà T 300.000.000 đồng, ông Đ 100.000.000 đồng, ông L 100.000.000 đồng. Ông Đ và ông L góp vốn ít nên bỏ công trực tiếp ở bè cá.

Năm 2017 có mua thức ăn của ông P. Việc giao nhận thức ăn do ông Đ và ông L ký, ông là người cộng sổ để xác nhận lại. Trong quá trình nuôi cá sau khi thu hoạch cá xong thì lỗ 2.900.000.000 đồng. Trong đó có nợ tiền thức ăn ông P 755.520.000 đồng. Giữa bốn người đã tự phân chia số nợ trên có văn bản.

Ông thừa nhận còn nợ ông P số tiền là 755.520.000 đồng, nhưng không đồng ý liên đới cùng bà T, ông Đ, ông L trả số tiền 755.520.000 đồng cho ông P. Ông chỉ đồng ý trả cho ông P  $\frac{1}{4}$  số nợ là 188.880.000 đồng. (755.520.000 đồng chia 4 người), không đồng ý trả tiền lãi.

+ Ông Huỳnh Văn Đ trình bày:

Ông thừa nhận ông, ông T, ông L và bà T còn nợ ông P số tiền 755.520.000 đồng. Do nuôi cá bị lỗ, thiếu nợ nhiều người nên ông chậm trả nợ cho ông P.

Ông không đồng ý liên đới cùng ông T, ông L và bà T trả cho ông P số tiền 755.520.000 đồng và tiền lãi. Ông chỉ đồng ý trả cho ông P số tiền 188.880.000 đồng.

+ Ông Lê Văn L trình bày:

Ông thừa nhận ông, ông Đ, ông T và bà T còn nợ ông P số tiền 755.520.000 đồng tiền mua thức ăn. Do nuôi cá bị lỗ, thiếu nợ nhiều người nên ông chậm trả nợ cho ông P.

Ông không đồng ý liên đới cùng ông T, ông Đ và bà T trả cho ông P số tiền 755.520.000 đồng và tiền lãi. Ông chỉ đồng ý trả cho ông P số tiền 188.880.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim T trình bày:

Bà thừa nhận bà, ông Đ, ông T, ông L còn nợ ông P số tiền 755.520.000 đồng, tiền mua thức ăn. Do nuôi cá bị lỗ, thiếu nợ nhiều người nên bà không có khả năng trả nợ cho ông P.

Bà không đồng ý liên đới cùng ông T, ông Đ và ông L trả cho ông P số tiền 755.520.000 đồng và tiền lãi. Bà chỉ đồng ý trả cho ông P số tiền 188.880.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Tấn P – Chủ hộ kinh doanh P Đạt. Buộc ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn Đ, ông Lê Văn L và bà Lê Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Tấn P – Chủ hộ kinh doanh P Đạt số tiền 837.877.000 đồng (Tám trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

+ Ngày 29/6/2022 ông Huỳnh Văn T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, ông không thống nhất liên đới với ông Huỳnh Văn Đ, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Kim T trả cho ông Đoàn Tấn P số tiền 837.877.000 đồng và 82.357.000 đồng tiền lãi.

+ Ngày 30/6/2022 ông Huỳnh Văn Đ làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, bà không thống nhất liên đới với ông Huỳnh Văn T, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Kim T trả cho ông Đoàn Tấn P số tiền 837.877.000 đồng, 82.357.000 đồng tiền lãi và không thống nhất chịu 37.136.000 đồng tiền án phí.

+ Ngày 29/6/2022 bà Lê Thị Kim T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, bà không thống nhất liên đới với ông Huỳnh Văn Đ, ông Lê Văn L, ông Huỳnh Văn T trả cho ông Đoàn Tấn P số tiền 837.877.000 đồng, 82.357.000 đồng tiền

lãi và không thống nhất chịu 37.136.000 đồng tiền án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của mình và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp P biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, ông Đ và bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông T, ông Đ, ông L và bà T thừa nhận còn nợ ông P số tiền mua thức ăn cho cá là 755.520.000 đồng. Tuy nhiên, các ông, bà không đồng ý liên đới trả cho ông P số tiền 755.520.000 đồng mà chỉ đồng ý mỗi người trả nợ theo phần. Cụ thể mỗi người là 755.520.000 đồng : 4 = 188.880.000 đồng. Ông T, bà T, ông Đ và ông L cho rằng ngày 19/10/2020 đã làm “Giấy thỏa thuận” với nhau về việc trả nợ. Trong đó, số tiền nêu trên sẽ do ông Đ và ông L chịu trách nhiệm thanh toán cho ông P.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký bè cá số ĐT-00217-NT do Chi cục Thủy sản Đồng Tháp cấp ngày 25/10/2018 thể hiện chủ bè cá là 04 người gồm: Ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Kim T, ông Huỳnh Văn Đ và ông Lê Văn L không có sự tách bạch riêng biệt từng phần của mỗi người. Bên cạnh đó, việc thỏa thuận trả nợ theo phần của ông T, ông Đ, ông L và bà T không được sự đồng ý của ông P. Mặt khác, khi mua thức ăn cũng không thể hiện phần riêng biệt của mỗi người. Ngoài ra, ông T, ông Đ, ông L, bà T cũng không có chứng cứ chứng minh ông P bán thức ăn cho cá riêng cho từng người và cũng không có chứng cứ chứng minh ông P vi phạm hợp đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T, ông Đ, ông L và bà T phải liên đới trả cho ông P số tiền mua bán thức ăn còn nợ 755.520.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Ông P yêu cầu ông T, ông Đ, ông L và bà T phải trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 755.520.000 đồng kể từ ngày 12/5/2021 (Ngày làm đơn khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 16/6/2022) là 13 tháng 04 ngày thành tiền là 82.357.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông T, ông Đ, ông L và bà T cho rằng khi mua thức ăn đã tính kèm theo lãi và việc yêu cầu lãi của ông P là cao nên không đồng ý là chưa phù hợp. Bởi vì, căn cứ vào Sổ theo dõi nhận hàng và thA toán đã được xác lập giữa hai bên không có thể hiện lãi suất và cũng không thể hiện về thời hạn trả nợ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các Bị đơn có nghĩa vụ trả lãi cho ông P kể từ ngày khởi kiện là ngày 12/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/6/2022 với mức lãi suất 0,83%/tháng do các Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền là 82.357.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tại tòa án cấp phúc thẩm ông T, ông Đ và bà T cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy, ông T, ông Đ và bà T kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ tiền mua thức ăn và lãi cho ông P cũng không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, ông Đ và bà T là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo ông T, ông Đ và bà T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm nhưng điều chỉnh lại cách tuyên án về phần lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn Đ và bà Lê Thị Kim T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu L pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn Đ và bà Lê Thị Kim T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Tấn P.

4. Buộc ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn Đ, ông Lê Văn L và bà Lê Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Tấn P – Chủ hộ kinh doanh P Đạt số tiền 837.877.000 đồng (Tám trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

+ Ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn Đ và bà Lê Thị Kim T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0009477, số 0009478 cùng ngày 06/7/2022 và số 0009489 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

+ Ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn Đ, ông Lê Văn L và bà Lê Thị Kim T phải liên đới chịu 37.136.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Đoàn Tấn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.338.000 đồng theo biên lai số 0012818 ngày 24/6/2021 và 300.000 đồng theo biên lai số 0007033 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu L pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi Nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Sỹ DA Đạt**